

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST

Ngày: 16-6-2023

“V/v tranh chấp hợp mua bán”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Thị Kiều Oanh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Út Nhỏ**

2. Ông **Nguyễn Hiếu Nghĩa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thùy Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: bà **Thị Xà Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023/TLST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Ngọc Tr**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: ông **Lê Hoàng S**, sinh năm 1981 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 20/2/2023 và bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tr trình bày:** Bà Tr là chủ cửa hàng kinh doanh vật tư thủy sản gồm: thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản, từ năm 2019 đến năm 2020 ông Lê Hoàng S có đến cửa hàng của bà để mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản nhiều lần, trong thời gian mua ông S cũng có trả và có nợ lại nhiều lần. Đến ngày 21/6/2020 bà và ông S có trực tiếp gặp nhau để cộng lại số tiền mà ông S còn nợ bà là 107.440.000 đồng và ông S có ký biên nhận nợ cho bà vào ngày 21/6/2020 (biên nhận nợ ghi bằng hình thức Hợp đồng vay tiền

kiêm khế ước nhận nợ), ông S đồng ý đóng lãi 1%/1 tháng, hẹn 12 tháng sau sẽ trả đủ nợ gốc và lãi. Tuy nhiên, đến hẹn bà đã đôn đốc nhắc nhở ông S trả nợ nhiều lần nhưng ông S chỉ hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do số tiền nợ này đã quá lâu gây ảnh hưởng đến quyền lợi và kinh tế của bà nên bà khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Gò Quao. Theo đơn khởi kiện của bà yêu cầu ông S phải trả cho bà số tiền nợ gốc 107.440.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 21/6/2020 đến ngày 21/7/2022 là 26.750.000đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Nhưng ông S chỉ thừa nhận và đồng ý trả cho bà số nợ là 107.000.000đồng, ông S cũng không đồng ý trả lãi cho bà, vì là chỗ quen biết nên bà vẫn đồng ý để ông S trả cho bà số tiền 107.000.000đồng.

Tại phiên tòa, bà Tr yêu cầu giải quyết buộc một mình ông Lê Hoàng S phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ là 107.000.000đồng (một trăm lẻ bảy triệu đồng) và trả đủ một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà Tr rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông S về yêu cầu trả số tiền nợ gốc 440.000đồng (Bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) và rút yêu cầu tính lãi từ ngày 21/6/2020 đến ngày 21/7/2022 bằng 26.750.000đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Ngoài ra, bà Tr không yêu cầu gì thêm.

*** *Tại bản tự khai ngày 24/2/2023 của bị đơn ông Lê Hoàng S trình bày:*** Ông S thừa nhận có nợ bà Nguyễn Ngọc Tr số tiền 107.000.000đồng (một trăm lẻ bảy triệu đồng), đây là tiền ông mua thức ăn chăn nuôi tôm, thuốc thủy sản chứ không phải là tiền vay. Ông thừa nhận có ký vào hợp đồng vay kiêm khế ước nhận nợ ngày 21/6/2020 nhưng ông chỉ ký nhận còn nợ số tiền 107.000.000đồng mua thức ăn chăn nuôi thủy sản chứ không phải tiền vay. Ông S chỉ đồng ý trả số tiền nợ 107.000.000đồng nhưng không đồng ý trả lãi, vì khi bà Tr bán thức ăn chăn nuôi đã có lãi rồi.

Nay, do hoàn cảnh điều kiện kinh tế khó khăn nên ông S không có khả năng trả đủ một lần số tiền nợ cho bà Tr và ông cũng đang kêu bán căn nhà, khi nào ông bán được nhà thì sẽ trả nợ cho bà Tr nhưng ông S không xác định được thời gian nào bán được nhà nên không biết thời gian chính xác trả nợ cho bà Tr.

*** *Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Tr buộc ông Lê Hoàng S phải cho bà Tr số tiền nợ 107.000.000đồng (một trăm lẻ bảy triệu đồng). Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tr về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 440.000đồng (Bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) và rút yêu cầu tính lãi từ ngày 21/6/2020 đến ngày 21/7/2022 là 26.750.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Ngọc Tr khởi kiện yêu cầu ông Lê Hoàng S phải trả số tiền nợ mua vật tư chăn nuôi thủy sản. Bị đơn có địa chỉ tại ấp Vĩnh Bình, xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán” và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông S.

[2] Về nội dung: Từ năm 2019 đến năm 2020 ông Lê Hoàng S có đến cửa hàng kinh doanh vật tư thủy sản của bà Nguyễn Ngọc Tr để mua thức ăn, thuốc hải sản về chăn nuôi tôm. Trong thời gian này, ông S có mua nhiều lần, ông S có trả và cũng có nợ nhiều lần. Đến ngày ngày 21/6/2020 bà Tr và anh Sơn có gặp nhau để cộng số tiền mà ông S còn nợ bà Tr 107.440.000đồng và ông S có ký vào Hợp đồng vay tiền kiêm khế ước nhận nợ. Bà Tr và ông S cũng thống nhất đây là số tiền nợ mua thức ăn, thuốc thủy sản chứ không phải tiền vay. Trong thời gian ông S nợ tiền, bà Tr có nhắc nhở và đôn đốc ông S thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhiều lần nhưng ông S vẫn không thực hiện. Do ông S đã để khoản nợ quá lâu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Tr nên bà Tr khởi kiện đến Tòa án. Ông S thừa nhận nợ và đồng ý trả cho bà Tr số tiền 107.000.000đồng là đúng sự thật nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nên xét yêu cầu khởi kiện của bà Tr là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với bị đơn ông S thừa nhận có nợ bà Tr số tiền 107.000.000đồng (một trăm lẻ bảy triệu đồng) nhưng ông cho rằng hoàn cảnh kinh tế gia đình của ông hiện nay rất khó khăn nên ông không có khả năng trả đủ một lần số tiền nợ nêu trên cho bà Tr, ông

hẹn khi nào bán nhà được sẽ trả cho bà Tr nhưng ông S không xác định được thời gian bán nhà cũng như thời gian trả nợ cho bà Tr nên bà Tr không đồng ý với cách hẹn trả nợ của ông S và bà Tr yêu cầu ông S có nghĩa vụ trả hết nợ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ông S chỉ nộp cho Tòa án bản tự khai trình bày nội dung sự việc và nguyện vọng trả nợ của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tr. Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không cung cấp cho Tòa án địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông S theo quy định nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tr rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông S về yêu cầu trả số tiền nợ gốc 440.000đồng (Bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) và rút yêu cầu tính lãi từ ngày 21/6/2020 đến ngày 21/7/2022 là 26.750.000đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: $107.000.000\text{đồng} \times 5\% = 5.350.000\text{đồng}$ buộc ông S phải có nghĩa vụ nộp.

Yêu cầu của bà Tr được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà bà Tr đã nộp là 3.343.000đồng theo biên lai thu tiền số 0006628 ngày 22/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, khoản 5 Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tr.

Buộc: ông Lê Hoàng S phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc Tr số tiền 107.000.000đồng (một trăm lẻ bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bà Tr có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Sơn chưa trả đủ số tiền nêu trên thì ông S còn phải chịu lãi suất theo mức lãi quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tr về việc yêu cầu bị đơn ông S trả số tiền nợ gốc 440.000đồng (Bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 21/6/2020 đến ngày 21/7/2022 là 26.750.000đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 5.350.000đồng (Năm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) buộc ông S phải có nghĩa vụ nộp.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà bà Tr đã nộp là 3.343.000đồng (Ba triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006628 ngày 22/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 16/6/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh